

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **04/2019/HSST**

Ngày: 03/01/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 505/2018/HSST ngày 06/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2018/QĐXXST-HS ngày 17/12/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh năm 1992, tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: 635, khu 4, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không;

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không;

Trình độ học vấn: 2/12;

Họ và tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 (còn sống);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1970 (còn sống);

Họ và tên chị: Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1988;

Họ và tên em: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1998;

Họ và tên em: Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2003;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Ngày 20/8/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 28 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” và được trả tự do tại phiên tòa; (Chưa được xóa án tích)

Tiền sự: Ngày 17/11/2017, bị Công an phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”. (Bị cáo chưa nộp phạt)

Bị cáo Nguyễn Văn T bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 9 năm 2018 và chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 463 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phan Thị Ngọc P**, tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ;

Sinh năm 1988, tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: 292, khu 1, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Nghề nghiệp: không;

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không;

Trình độ học vấn: 5/12;

Họ và tên cha: Phan Văn M, sinh năm 1964 (còn sống);

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1969 (còn sống);

Họ và tên em: Phan Ngọc L, sinh năm 1994;

Họ và tên chồng: Nguyễn Trung T, sinh năm 1989 (đã ly hôn), và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Ngày 02/3/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; (Chưa chấp hành án xong)

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 05/9/2012 bị Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa có quyết định đưa đi cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng. Ngày 19/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo Phan Thị Ngọc P bị bắt đi chấp hành án ngày 19/9/2018. Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Có mặt.

- Bị hại: Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Đ

Địa chỉ: Tòa nhà Donacoop, khu P, quốc lộ 51, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T – Sinh năm 1974

Địa chỉ: 62/36 KP4, phường Q, thành phố B, Đồng Nai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X – Sinh năm 1959

Địa chỉ: tổ 16, KP1, phường L, Biên Hòa, Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Phan Thị Ngọc P là bạn bè với nhau. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, T rủ P đi trộm cắp tài sản thì P đồng ý. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 09 giờ ngày 09 tháng 9 năm 2018, Tiên điều khiển xe mô tô kiểu dáng Dream hiệu Havico biển số 60F2-960.25 chở P đi đến khu vực bờ kè Khu dân cư thuộc khu phố 1, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp. Tại đây, P đứng trên đường cảnh giới, còn T đi bộ xuống đường vành đai bờ kè, dùng tay chân bẻ gãy 03 trụ đèn thấp sáng loại 273/3+1, dài 2,6m, sau đó tiếp tục bẻ gãy mỗi trụ đèn thành 03 khúc, của Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ (tên viết tắt Donacoop) rồi bỏ vào bao tải (do T chuẩn bị sẵn), sau đó cùng với P chở đi bán cho tiệm ve chai tại khu phố 1, phường L, thành phố B của bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1959, ngụ tại thôn 3, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) được số tiền 180.000 đồng (Một trăm tám mươi nghìn đồng), rồi mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Đến khoảng 18 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2018, T tiếp tục sử dụng chiếc xe mô tô trên chở P đi đến khu vực đường vành đai bờ kè trên lấy trộm được 01 trụ đèn thấp sáng loại 273/3+1, dài 2,6m, sau đó tháo rời thành 03 đoạn dài 60cm và 01 đoạn dài 1,5m, bỏ vào bao tải rồi cùng với P chở đi tiêu thụ thì bị anh Trương Văn T (sinh năm 1976, ngụ tại xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) phát hiện, báo Công an xã L truy bắt. Khi T và P đi đến khu vực gần ấp 1, xã A thì T bị bắt giữ khẩn cấp cùng tang vật. Riêng P đã tẩu thoát. Vào các ngày 18 tháng 9 năm 2018 và ngày 18 tháng 10 năm 2018, T và P đã bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 03 đoạn chân đế trụ đèn và 06 đoạn ống nối trụ đèn bằng kim loại, thu giữ của bà Nguyễn Thị X; 03 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 60cm và 01 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 1m50, thu giữ của bị cáo T, là các tài sản của Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ bị các bị cáo trộm cắp. - 01 đoạn ống nước kim loại dài 02m và 03 cuộn dây điện các loại, thu giữ của bà X, bà X khai mua của một người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ), nên tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream hiệu Havico biển số 60F2-960.25, thu giữ của bị cáo T do đã sử dụng vào việc phạm tội, là xe của bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1970, là mẹ ruột của bị cáo T), mua lại của anh Nguyễn Hữu B (sinh năm 1983, ngụ tại 4/18 khu phố L, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Bà L không biết bị cáo T mượn xe để sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà L.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 363/TCKH-HĐĐG ngày 22 tháng 10 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản TP. Biên Hòa kết luận: “04 trụ đèn loại 273/3+1, cao 2,6m, tổng trị giá 8.744.400 đồng (Tám triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng)”.

Về dân sự: anh Trần Minh T (sinh năm 1974, ngụ tại 62/36, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) được Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông

ng nghiệp tổng hợp Đ ủy quyền tham gia tố tụng, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ số tiền 8.744.400đ.

Tại bản cáo trạng số 522/CT-VKS ngày 27/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Phan Thị Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo Phan Thị Ngọc P từ 14 đến 18 tháng tù.

Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên trả lại: 03 đoạn chân đế trụ đèn, 06 đoạn ống nối trụ đèn bằng kim loại; 03 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 60cm và 01 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 1m50, cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị Tòa án tuyên buộc các bị cáo T và P phải liên đới bồi thường cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

[3] Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, Nguyễn Văn T đã rủ Phan Thị Ngọc P đi trộm cắp tài sản thì được P đồng ý. Thực hiện ý định trên, trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 9 năm 2018 đến ngày 10 tháng 9 năm 2018, T đã 02 lần điều khiển xe mô tô biển số 60F2-960.25 chở P đi đến khu vực bờ kè Khu dân cư thuộc khu 1, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp của Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ 04 trụ đèn thấp sáng loại 273/3+1, dài

2,6m, có tổng trị giá 8.744.400 đồng (Tám triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng) thì bị phát hiện khởi tố, điều tra xử lý.

[4] Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, xét thấy:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê bị cáo P phạm tội, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo P tương ứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo P là người tích cực tham gia giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án, nên phải chịu hình phạt tương ứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã 02 lần điều khiển xe mô tô biển số 60F2-960.25 chở P đi đến khu vực bờ kè Khu dân cư thuộc khu 1, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp của Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ 04 trụ đèn thấp sáng. Bị cáo T đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích và 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt). Bị cáo P đã có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích, nên các bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại các điểm g và h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[9] Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 03 đoạn chân đế trụ đèn, 06 đoạn ống nối trụ đèn bằng kim loại; 03 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 60cm và 01 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 1m50 cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T và bị cáo P về việc liên đới bồi thường cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ 8.744.400đ. Cụ thể: Bị cáo T bồi thường cho Liên hiệp hợp tác

xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ 5.000.000đ, bị cáo P bồi thường cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ số tiền 3.744.400đ.

[10] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị X là người đã mua 09 đoạn trụ đèn, là tài sản do các bị can T và P trộm cắp được mà có nhưng khi mua bà X không biết tài sản trên do các bị cáo trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự.

[12] Đối với vật chứng 01 đoạn ống nước kim loại dài 02m và 03 cuộn dây điện các loại, thu giữ của bà X, bà X khai mua của người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ), Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Phan Thị Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/9/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Ngọc P 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án số 124/2016/HSST ngày 02/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/9/2018.

- Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại 03 đoạn chân đế trụ đèn (kim loại, cao 55cm), 06 đoạn ống nối trụ đèn bằng kim loại (bốn đoạn dài 60cm, hai đoạn dài 30cm); 03 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 60cm và 01 ống sắt tròn kim loại màu đen dài 1m50 cho Liên

hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ. (Biên bản giao vật chứng ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T và bị cáo P về việc liên đới bồi thường cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ số tiền 8.744.400đ. Cụ thể: Bị cáo T bồi thường cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ 5.000.000đ, bị cáo P bồi thường cho Liên hiệp hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Đ số tiền 3.744.400đ.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS TP. Biên Hòa (2)
- CABH-BC, BH, NLQ (6)
- THA (6)
- Lưu (6)

Lê Ngọc Tuyên